

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/5/2022  
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn  
và nuôi con)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL**  
**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lại Thiện Png và ông Danh On

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Kim Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa:** Ông Dương Minh Kha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh DP, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp DSĐ, xã LN, huyện HD, tỉnh BL

2. Bị đơn: Chị LTN, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp DSĐ, xã LN, huyện HD, tỉnh BL

(Anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh DP trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa anh với chị LTN đi đến hôn nhân do quen biết, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện HD, tỉnh BL vào ngày 07/9/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: do trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính do chị N không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái, tham gia nhiều tệ nạn xã hội như cờ bạc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng sống xa nhau vợ chồng không có liên lạc với nhau, nay anh nhận thấy vợ chồng không còn khả

năng hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị LTN.

Về con chung: anh DP xác định trong thời gian chung sống, giữa anh và chị N có với nhau 03 người con chung tên DCH, sinh ngày 25/9/2015; DNQ, sinh ngày 13/12/2018 và DNT, sinh ngày 18/01/2021. Hiện các con đang sống với anh P, trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị N không có gọi điện thoại hay đến thăm con cũng như không có gửi tiền để lo cho con. Khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh DP xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với chị LTN: Mặc dù chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị N theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị LTN chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa anh P và chị N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh P và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại anh P xác định anh không còn tình cảm với chị N. Vợ chồng không còn khả năng tiếp tục chung sống. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh P và chị N nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh P được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc vợ chồng anh P và chị N sống ly thân với nhau, anh P là người trực tiếp nuôi con chung. Anh P vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này và để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị LTN có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí thì anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với chị N. Chị N có địa chỉ cư trú tại huyện HD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

Anh DP có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh DP.

Chị LTN đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị N vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị LTN.

[2] Về nội dung vụ án: anh P và chị N chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống anh P và chị N có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện HD, tỉnh BL vào ngày 07/9/2018 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh P và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị N thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh P và chị N lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện anh P và chị N đã sống ly thân với nhau hơn 1 năm. Trong thời gian qua cả anh P và chị N đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện muốn hàn gắn lại với nhau, anh P và chị N không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh P xác định vợ chồng anh không còn khả năng tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh P và chị N là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng anh P và chị N sống ly thân với nhau anh P là người trực tiếp nuôi con chung. Anh P vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao các

con cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp.

Chị LTN được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: anh DP không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: anh DP xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh DP phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh DP đối với chị LTN; Xử cho anh DP được ly hôn với chị LTN.

2/. Về nuôi con chung: giao người con chung tên DCH, sinh ngày 25/9/2015; DNQ, sinh ngày 13/12/2018 và DNT, sinh ngày 18/01/2021 cho anh DP nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị LTN được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: anh DP không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị LTN.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: anh DP không đặt ra yêu cầu nên xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: anh DP phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006128 ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh DP và chị LTN được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- UBND xã LN;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Trương Hồng Diễm**